TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày 05 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cầm Thị Tươi, ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Thùy Linh, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh SơnLa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST –DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thọ C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ 9, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội (trước khi sáp nhập Tổ 9, Nhân Trạch, phường Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội). Có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Đoàn Tuấn A. Nơi cư trú: Bản XM, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Nay bản XM, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La).

Tạm trú: T 4, phường CA, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị T. Nơi cư trú: Bản NK, xã CK, tỉnh Sơn La (trước khi sáp nhập bản NK, xã MC, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thọ C trình bày:

Cuối năm 2022 anh nhập gỗ từ Lào về Việt Nam với số lượng 56,5m^3 loại gỗ tếch bán cho vợ chồng chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A, trú tại bản NK, xã MC, huyện

Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là bản NK, xã CK, tỉnh Sơn La) với số tiền 662.540.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 8/2022 anh thuê xe ông Hoàng Công Quân chở từ nước CHDCND Lào về với số lượng 25m^3 cho vợ chồng anh Tuấn A và chị Tân tại xưởng Chiềng Mung, huyện Mai Sơn.

Lần thứ hai: Ngày 10/12/2022 anh thuê xe ông Trần Thành Đồng chở từ nước CHDCND Lào về với với số lượng 31m^3 cho vợ chồng anh Tuấn A và chị Tân tại huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ (cũ).

Sau khi nhận đủ số gỗ trên giữa anh và chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A ký hợp đồng chốt công nợ với tổng số tiền là 662.540.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) mặc dù anh đã liên hệ rất nhiều lần nhưng vợ chồng chị Tân và anh Tuấn A có biểu hiện trốn tránh không thanh toán.

Nay anh đề nghị buộc anh Đoàn Tuấn A và chị Trần Thị T trả toàn bộ số nợ trên. Theo đơn đề nghị đề ngày 03/6/2025 do vợ chồng chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A đã ly hôn nên anh đề nghị chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A mỗi người trả ½ số tiền nợ trên là 331.270.000 (*Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

2. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Năm 2022 chị bán gỗ cho anh ông Ngô Văn Tuyên tại Thu Cúc, Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ với số tiền 1.900.000.000 đồng, ông Tuyên đặt cọc cho vợ chồng anh chị số tiền 400.000.000 đồng còn nợ lại 1.500.000.000 đồng, do ông Tuyên không trả nên vợ chồng anh chị nhờ ông Nguyễn Thọ L (bố anh Nguyễn Thọ C) bạn của anh Đoàn Tuấn A, được ông L hứa sẽ đòi số tiền ông Tuyên nợ cho vợ chồng anh chị để có bằng chứng chứng minh số gỗ trên, ông L có cho hai vợ chồng anh chị ký vào một số giấy tờ để làm căn cứ đòi nợ.

Trước đây anh chị chỉ làm ăn mua bán gỗ với ông Nguyễn Thọ L, không mua bán gỗ với anh Nguyễn Thọ C (con ông L), việc ký các hợp đồng biên bản công nợ là do anh chị ký thật.

Nay anh Nguyễn Thọ C khởi kiện yêu cầu anh, chị trả số tiền 662.540.000 đồng và mỗi người trả ½ số tiền nợ trên là 331.270.000 đồng. Chị không đồng ý vì đây là hợp đồng mua bán ký để nhờ ông Nguyễn Thọ L đòi nợ giúp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo yêu cầu anh Đoàn Tuấn A đến Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh Tuấn A không chấp hành. Đến ngày 28/8/2025 Tòa án mới ghi lời khai anh Đoàn Tuấn A trình bày: Anh và chị Trần Thị T trước đây là vợ chồng (ly hôn năm 2023), quá trình giải quyết ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản, vay nợ chung. Từ

năm 2022 anh và chị Trần Thị T (trước đây là vợ chồng) có cùng nhau ký hợp đồng với anh Nguyễn Thọ C mua gỗ tếch do anh Cao lấy từ nước CHDCND Lào về với khối lượng và chủng loại theo hợp đồng, sau khi nhận được gỗ anh chị có làm biên bản xác nhận nợ với số tiền là 662.540.000 đồng, sau khi mang số gỗ đi bán tại tỉnh Phú Thọ có lần thu được khoảng hơn 300.000.000 đồng chị Tân cất giữ và chi tiêu cá nhân mà không trả cho anh Nguyễn Thọ C. Nay anh Nguyễn Thọ C khởi kiện yêu cầu anh và chị Tân trả mỗi người ½ số tiền gỗ là 331.270.000 đồng anh hoàn toàn đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn anh không có khả năng trả ngay, anh đề nghị được trả dần theo khả năng của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiển sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dânsự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 430 khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thọ C về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Đoàn Tuấn A và chị Trần Thị T.

Buộc anh Đoàn Tuấn A và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thọ C số tiền 662.540.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), tương ứng mỗi người phải trả nợ 331.270.000 đồng và số tiền lãi phát sinh.

Về Án phí: Anh Đoàn Tuấn A và bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định. Anh Cao được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La) là 15.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà

và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Thọ C khởi kiện chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A yêu cầu trả số tiền nợ mua bán gỗ trên cơ sở hợp đồng mua bán. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A có nơi cư trú tại thời điểm anh Nguyễn Thọ C nộp đơn khởi kiện trên địa bàn huyện Sông Mã (cũ). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Sơn La).

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng mua bán gỗ lập ngày 01/12/2022 giữa anh Nguyễn Thọ C và chị Trần Thị T, anh Đoàn Tuấn A, hợp đồng mua bán gỗ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và đã thực hiện việc giao nhận gỗ theo chủng loại, số lượng và xác nhận công nợ đảm bảo đúng theo quy định các Điều 117, 430, 431, 432, 433, 434 và 435 Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thọ C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A thời điểm ký kết hợp đồng anh chị là vợ chồng và cùng sinh sống tại bản NK, xã MC, huyện Sông Mã có trách nhiệm trả cho số tiền mua bán gỗ là 662.540.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) nay do anh Tuấn A và chị Tân ly hôn nên anh yêu cầu mỗi người trả ½ số tiền nợ trên tương ứng số tiền 331.270.000 (*Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi nghìn*) đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn anh Nguyễn Thọ C đã xuất trình 01 hợp đồng mua bán đề ngày 01/12/2022, biên bản xác nhận công nợ và biên bản giao nhận hàng hóa kiểm phiếu xuất kho đề ngày 13/12/2022, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản ghi lời khai chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A thừa nhận chữ ký trong hợp đồng và biên bản xác nhận công nợ đều là chữ ký của chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A (lúc đó anh chị là vợ chồng), đây là tình tiết được các bên thừa nhận thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của chị Trần Thị T cho rằng hợp đồng chị và anh Đoàn Tuấn A ký

để nhờ ông Nguyễn Thọ L (bố anh Nguyễn Thọ C) làm bằng chứng đòi nợ hộ anh chị với người khác, anh chị không được mua gỗ của anh Nguyễn Thọ C nhưng chị không đưa ra được căn cứ chứng minh hợp đồng này là giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác theo quy định Điều 124 Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc anh Đoàn Tuấn A và chị Trần Thị T có trách nhiệm trả số tiền 662.540.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) phần mỗi người trả ½ số tiền nợ trên là 331.270.000 (*Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi nghìn*) đồng cho anh Nguyễn Thọ C theo quy định Điều 440 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 15.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 430, 431, 432, 433, 434, 435 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thọ C về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Đoàn Tuấn A và chị Trần Thị T.

Buộc anh Đoàn Tuấn A và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thọ C số tiền 662.540.000 đồng *(Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó: Anh Đoàn Tuấn A phải trả nợ số tiền là 331.270.000 đồng (*Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*), chị Trần Thị T phải trả nợ số tiền là 331.270.000 đồng (*Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp

pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Tuấn A mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.560.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Sơn La.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Thọ C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.250.000 đồng (*Mười năm triệu hai trăm lăm mười nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002492 ngày 03/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Sơn La).

"Trường hợp bản án được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3;
- Cơ quan THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đèo Văn Quỳnh